

BẢNG THUYẾT MINH
Nghị định quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của
tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định về thẩm quyền hướng dẫn tại khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD
	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. 2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Chỉnh sửa để phù hợp với quy định về đối tượng tại khoản 13 Điều 210 Luật Các TCTD
	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Hoạt động tài chính vi mô bao gồm việc cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tài chính vi mô, nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tài chính vi mô dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện.	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Hoạt động tài chính vi mô bao gồm việc cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng tài chính vi mô, nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng tài chính vi mô dưới hình thức tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện.	Kế thừa quy định cũ không phát sinh vướng mắc.
	2. Khách hàng tài chính vi mô là cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, cá nhân có thu nhập thấp, doanh nghiệp siêu nhỏ.	2. Khách hàng tài chính vi mô là cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; cá nhân có thu nhập thấp; doanh nghiệp siêu nhỏ.	Quy định lại về đối tượng khách hàng tài chính vi mô, để đảm bảo hoạt động của chương trình, dự án TCVM hướng đúng đến đối tượng là những người yếu thế, không hoặc khó có khả năng tiếp cận với nguồn vốn từ TCTD, đồng thời đảm bảo thống nhất với đối tượng khách hàng của tổ chức tài chính vi mô được quy định tại Thông tư sửa đổi Thông tư số 03/2018/TT-NHNN.
	3. Chương trình, dự án tài chính vi mô là chương trình, dự án hoạt động tài chính vi mô và một hoặc một số hoạt động khác quy định tại khoản 3 Điều 13 Quyết định này nhằm đáp ứng nhu	3. Chương trình, dự án tài chính vi mô là chương trình, dự án của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ để thực hiện hoạt động tài chính vi mô nhằm đáp ứng nhu cầu của	Chỉnh sửa tham chiếu

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	cầu của khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo.	khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần tạo việc làm, thực hiện xóa đói, giảm nghèo.	
	4. Tổ chức phi chính phủ bao gồm tổ chức phi chính phủ trong nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài. 5. Tổ chức phi chính phủ trong nước là hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các loại hình tổ chức xã hội khác do cá nhân, tổ chức thành lập hoạt động thường xuyên nhằm mục đích hỗ trợ phát triển, không vì mục tiêu lợi nhuận phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật Việt Nam. 6. Tổ chức phi chính phủ nước ngoài là tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân và các loại hình tổ chức xã hội, tổ chức phi lợi nhuận thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	4. Tổ chức phi chính phủ bao gồm tổ chức phi chính phủ trong nước và tổ chức phi chính phủ nước ngoài. 5. Tổ chức phi chính phủ trong nước là hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các loại hình tổ chức xã hội khác do cá nhân, tổ chức thành lập, hoạt động nhằm mục đích hỗ trợ phát triển, không vì mục tiêu lợi nhuận phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật Việt Nam. 6. Tổ chức phi chính phủ nước ngoài là tổ chức phi chính phủ, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân và các loại hình tổ chức xã hội, tổ chức phi lợi nhuận thành lập theo pháp luật nước ngoài được phép hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	Giữ nguyên nội dung
	7. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của chương trình, dự án tài chính vi mô.	7. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của chương trình, dự án tài chính vi mô. Tiết kiệm bắt buộc chỉ được thực hiện đối với khách hàng tài chính vi mô đang có khoản vay.	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phản ánh đúng bản chất của tiết kiệm bắt buộc.
	8. Tiết kiệm tự nguyện là số tiền khách hàng tài chính vi mô tự nguyện gửi vào chương trình, dự án tài chính vi mô.	8. Tiết kiệm tự nguyện là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô tự nguyện gửi vào chương trình, dự án tài chính vi mô. Tiết kiệm tự nguyện chỉ được thực hiện đối với khách hàng tài chính vi mô đang có khoản vay.	Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phản ánh đúng bản chất của tiết kiệm tự nguyện,
	9. Vốn thực hiện tài chính vi mô là vốn được giao, vốn được cấp, quỹ được giao để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 10. Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô là Trưởng Ban quản lý hoặc Giám đốc hoặc chức danh tương đương, chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Quyết định này.	Giữ nguyên nội dung	Không phát sinh vướng mắc
		Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận, chấm dứt hoạt động; chấp thuận thay đổi các nội dung hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô Căn cứ theo nhu cầu thực tế và hiệu quả hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ dự kiến triển khai trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện theo ủy quyền	- Kế thừa Điều 6 Quyết định số 20 lên để đảm bảo tính liên tục của quy định. - Bổ sung nội dung về chấp thuận thay đổi các nội dung hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô để làm cơ sở cho tổ chức thực hiện. - Sửa đổi quy định về thẩm quyền

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thẩm quyền) ra văn bản chấp thuận, chấm dứt hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô; chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.	theo hướng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chấp thuận, chấm dứt hoạt động; chấp thuận thay đổi các nội dung hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô vì những lý do sau: (i) Theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Quyết định số 20, một trong những điều kiện để NHNN thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ khi triển khai tại từng địa bàn cụ thể là có sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/ quận, huyện về việc cho phép thực hiện chương trình, dự án TCVM trên địa bàn. Theo số liệu NHNN thống kê, hiện nay trên thực tế có 79 chương trình, dự án TCVM triển khai trên 34 tỉnh, thành phố. Trong đó: - Có 74 chương trình, dự án TCVM do các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ này đều do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố cấp phép thành lập. Việc triển khai các chương trình, dự án TCVM của các tổ chức này đều được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đồng ý cho phép thực hiện. - Có 05 chương trình, dự án TCVM do 02 Quỹ xã hội (do Bộ Nội vụ

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
			cấp phép) và 03 tổ chức phi chính phủ nước ngoài (do Bộ Ngoại giao cấp phép) thực hiện trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố. Khi các Quỹ xã hội, tổ chức phi chính phủ nước ngoài này muốn được triển khai chương trình, dự án cụ thể nào đó thì trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký, NHNN đều lấy ý kiến và dựa trên cơ sở đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Như vậy, có thể thấy, Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan có thẩm quyền quyết định tiên quyết cho phép thực hiện chương trình, dự án TCVM của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trên các địa bàn. (ii) Việc cho phép thực hiện chương trình, dự án TCVM phụ thuộc rất lớn vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Việc xác định nhu cầu, tính hiệu quả cũng như khả năng quản lý các chương trình, dự án nói chung, chương trình, dự án TCVM nói riêng phải dựa trên sự đánh giá và nhu cầu của Ủy ban nhân dân tại các địa bàn. Mặt khác, chương trình, dự án TCVM hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhằm xóa đói, giảm nghèo; đối tượng thực hiện đa dạng (tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ) nhưng hầu hết đều thực hiện trên

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
			địa bàn tỉnh, thành phố. Chương trình, dự án TCVM có thể là một cấu phần hoặc toàn bộ khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam (Nghị định số 80). Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 80, “cơ quan chủ quản” - đơn vị có thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ (trong trường hợp của Quyết định số 20 là Ủy ban nhân dân các cấp), “chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ”. - Thực tế cho thấy, trong quá trình hoạt động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án TCVM thường có phát sinh nhu cầu thay đổi về địa bàn hoạt động, thời hạn hoạt động (bao gồm cả việc gia hạn hoạt động), vốn thực hiện, người quản lý, điều hành chương trình, dự án TCVM. Tuy nhiên, những nội dung thay đổi này phụ thuộc rất lớn vào tính hiệu quả của chương trình, dự án TCVM, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương nơi triển khai thực hiện.

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
			Từ những nội dung nêu trên, việc quy định Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc cấp quận, huyện (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) thực hiện việc chấp thuận, chấm dứt hoạt động chương trình, dự án TCVM; chấp thuận thay đổi các nội dung hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô là phù hợp với thực tế và đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan.
		Điều 5. Cấp Giấy đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) cấp Giấy đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Hồ sơ đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô gồm: a) Đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn. 3. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) cấp Giấy đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) phải có văn bản nêu rõ lý do.	- Kế thừa quy định về thẩm quyền cấp Giấy đăng ký hoạt động tại Quyết định số 20. - Bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động cho phù hợp với phân cấp mới về quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô. Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chấp thuận cho phép thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. NHNN thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động trên cơ sở quyết định chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Lý do: như đã giải trình tại Điều 4.
	Điều 4. Điều kiện đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô	Điều 6. Điều kiện để được chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô	Quy định rõ đối tượng được thực

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	mô 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải thực hiện việc đăng ký theo quy định tại Quyết định này khi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.	trình, dự án tài chính vi mô Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô khi đảm bảo các điều kiện sau: 1. Là tổ chức chính trị - xã hội theo quy định tại Hiến pháp và các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam tại các cấp Trung ương, tỉnh, thành phố, quận, huyện; tổ chức phi chính phủ được thành lập theo quy định của pháp luật.	hiện chương trình, dự án tài chính vi mô là tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương, cấp tỉnh, thành phố để tháo gỡ vướng mắc liên quan đến việc xác định đối tượng thực hiện tại Quyết định số 20.
	2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký) khi đảm bảo các điều kiện sau: a) Có vốn thực hiện tài chính vi mô hợp pháp theo quy định của pháp luật; b) Có cơ cấu tổ chức chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Điều 10 Quyết định này; c) Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô; d) Có các quy định nội bộ để thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô; đ) Được Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép; e) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, Ủy ban nhân dân cấp phường, xã theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân có thẩm quyền) đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.	2. Được Bộ Ngoại giao đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao cấp Giấy đăng ký hoạt động. Được Bộ Nội vụ đồng ý việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Nội vụ cho phép thành lập. 3. Có vốn hợp pháp thực hiện tài chính vi mô. 4. Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 12 Nghị định này. 5. Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô. 6. Có các quy định nội bộ để thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô.	Kế thừa nội dung tại Quyết định số 20, chỉnh sửa tham chiếu cho phù hợp.
	Điều 5. Hồ sơ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô	Điều 7. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động chương	Quy định bám sát nội dung về điều

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	1. Văn bản đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này. 2. Văn bản về việc thành lập, hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. 3. Văn bản giải trình về nguồn gốc vốn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 4. Cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, kiểm soát dự kiến của chương trình, dự án tài chính vi mô. 5. Sơ yếu lý lịch người quản lý, điều hành dự kiến và hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này. 6. Dự thảo các quy định nội bộ theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.	trình, dự án tài chính vi mô 1. Văn bản đề nghị chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Văn bản thành lập (đối với tổ chức phi chính phủ trong nước); Giấy đăng ký hoạt động (đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài); Nghị quyết của cấp có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô (đối với tổ chức chính trị - xã hội). 3. Văn bản chấp thuận thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này. 4. Văn bản giải trình về nguồn gốc vốn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 5. Quyết định phê duyệt của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đối với cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án tài chính vi mô phù hợp quy định tại Điều 12 Nghị định này. 6. Sơ yếu lý lịch người quản lý, điều hành dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị định này và hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này. 7. Dự thảo các quy định nội bộ theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.	kiện được chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô
	Điều 6. Cơ quan thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký 1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và các chương trình, dự án tài chính vi mô do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trực tiếp thực hiện. 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô có địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Đưa lên nội dung Điều 4 dự thảo Nghị định	Để đảm bảo tính bao quát của quy định.
	Điều 7. Trình tự cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký	Điều 8. Trình tự chấp thuận hoạt động của chương trình,	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) hồ sơ quy định tại Điều 5 Quyết định này cho: a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. 2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bổ sung đầy đủ hồ sơ. 3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của các chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ quy định tại Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản: a) Lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô và địa bàn triển khai chương trình, dự án của tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép. b) Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phải có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý bằng văn bản về việc thực hiện chương	dự án tài chính vi mô 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) hồ sơ quy định tại Điều 7 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi dự kiến triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bổ sung đầy đủ hồ sơ. 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của các chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ quy định tại Điều 7 Nghị định này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô và địa bàn triển khai chương trình, dự án của tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ phải có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý bằng văn bản về việc thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp không đồng ý, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn nêu trên, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân không có ý kiến thì coi như đồng ý. 4. Đối với trường hợp tại hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô đã có các văn bản cho	đổi tại quy định về thẩm quyền quyết định chấp thuận hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô tại dự thảo Nghị định.

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp không đồng ý, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Quá thời hạn nêu trên, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân không có ý kiến thì coi như đồng ý. 4. Đối với trường hợp tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ đã có các văn bản cho phép của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không lấy lại ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, (hoặc 10 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ: a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do. 6. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Sau thời hạn nói trên, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, Giấy chứng nhận đăng ký sẽ hết hiệu lực. 7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp trong các trường hợp sau đây:	phép của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không lấy lại ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều này. 5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, (hoặc 10 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền ra quyết định chấp thuận hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do. 6. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định chấp thuận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Sau thời hạn nói trên, quyết định chấp thuận triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô sẽ hết hiệu lực.	

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	a) Hồ sơ đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô có thông tin gian lận; b) Hết thời hạn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký; c) Chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động vi phạm nghiêm trọng quy định tại Quyết định này và quy định liên quan của pháp luật; d) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ tự nguyện chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; đ) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt hoạt động. 8. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải chấm dứt ngay hoạt động kể từ ngày văn bản thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký có hiệu lực thi hành.		
	Điều 8. Triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Tối thiểu 30 ngày trước khi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải: a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 10 Quyết định này; b) Có văn bản giao, cấp vốn thực hiện tài chính vi mô; bổ nhiệm người quản lý, điều hành; ban hành các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô; c) Có trụ sở làm việc, phương tiện, trang thiết bị cần thiết, đảm bảo thuận lợi, an toàn cho hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Thông báo công khai tại trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, hoặc phương tiện truyền thanh tại địa phương nơi chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động về nội dung hoạt động, phạm vi hoạt động, địa bàn hoạt động, đối tượng khách hàng tài chính vi mô của chương trình, dự án tài chính vi mô tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày hoạt động.	Chuyển xuống Điều 11 dự thảo Nghị định	
	Điều 9. Thay đổi các thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký	Điều 9. Thay đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô	- Quy định lại để đảm bảo phù hợp với đối tượng áp dụng của Nghị

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	1. Trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô mở rộng địa bàn hoạt động ngoài tỉnh, thành phố đã đăng ký, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và thực hiện việc đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 5, Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Quyết định này. 2. Trường hợp chương trình, dự án tài chính vi mô có thay đổi về vốn thực hiện tài chính vi mô, trụ sở, người quản lý, điều hành, địa bàn hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đối tượng khách hàng tài chính vi mô, nội dung hoạt động: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi có thay đổi, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải báo cáo gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.	1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô khi thay đổi tên, trụ sở hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thay đổi về tên, trụ sở hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có văn bản gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau: a) Thời hạn hoạt động. Trường hợp gia hạn thời hạn hoạt động, thời hạn đề nghị gia hạn không được vượt quá thời hạn đã được Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ đồng ý thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này; b) Địa bàn hoạt động; c) Số vốn thực hiện tài chính vi mô; d) Người quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô. 3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, gồm các văn bản sau: a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Đối với trường hợp đề nghị chấp thuận thay đổi số vốn thực hiện tài chính vi mô: văn bản giải trình về nguồn gốc vốn thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô; c) Đối với trường hợp đề nghị chấp thuận thay đổi người quản lý, người điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô:	định, bao quát hơn các trường hợp phát sinh và có trình tự thực hiện rõ ràng để làm cơ sở cho tổ chức thực hiện. - Đối với việc thay đổi tên, trụ sở hoạt động, tổ chức thực hiện chỉ phải thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố khi có thay đổi. Với các thay đổi về thời hạn hoạt động, địa bàn hoạt động, số vốn thực hiện, người quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chấp thuận trước khi thực hiện.

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		sơ yếu lý lịch người quản lý, điều hành dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị định này và hồ sơ chứng minh người quản lý, điều hành có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này. 4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ bổ sung đầy đủ hồ sơ. 5. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền ra văn bản chấp thuận thay đổi theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Nghị định này gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Văn bản chấp thuận thay đổi là một bộ phận không thể tách rời của quyết định chấp thuận thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản gửi tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ nêu rõ lý do.	
		Điều 10. Chấm dứt thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trong các trường hợp sau đây: a) Hồ sơ đề nghị chấp thuận triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có thông tin gian lận; b) Hết thời hạn thực hiện quy định tại quyết định chấp thuận triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô nhưng không được gia hạn; c) Chương trình, dự án tài chính vi mô có hoạt động vi phạm nghiêm trọng quy định tại Nghị định này và quy định liên quan của pháp luật;	Kế thừa một phần nội dung tại Điều 7 Quyết định số 20, chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay đổi về thẩm quyền chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô tại dự thảo Nghị định

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		d) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ tự nguyện chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; đ) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt hoạt động. 2. Khi phát hiện chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền có văn bản yêu cầu tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ chấm dứt thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn. Đồng thời, có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) thông báo việc chấm dứt hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ không được thực hiện mới bất kỳ nội dung hoạt động quy định tại Điều 15 Nghị định này, xây dựng kế hoạch chấm dứt hoạt động tài chính vi mô của chương trình, dự án tài chính vi mô gửi Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng); tổ chức thực hiện đảm bảo chấm dứt hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô theo đúng kế hoạch và cam kết tổ chức thực hiện; gửi lại quyết định chấp thuận thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. 3. Trong trường hợp quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải gửi Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô, đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kế hoạch xử lý, trong đó nêu rõ: thời gian hoàn thành xử lý chấm dứt hoạt động, các giải pháp xử lý tài chính, nhân sự và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.	
	Chuyển từ Điều 8 xuống	Điều 11. Triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Tối thiểu 30 ngày trước khi triển khai thực hiện chương	Chỉnh sửa lại nội dung Điều 8 Quyết định số 20 về tham chiếu và chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		trình, dự án tài chính vi mô, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải đảm bảo: a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 12 Nghị định này; b) Có văn bản giao, cấp vốn thực hiện tài chính vi mô; bổ nhiệm người quản lý, điều hành; ban hành các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô; c) Có trụ sở làm việc, phương tiện, trang thiết bị cần thiết, đảm bảo thuận lợi, an toàn cho hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Thông báo công khai tại trụ sở của chương trình, dự án tài chính vi mô và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, hoặc phương tiện truyền thanh tại địa phương nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô về tên chương trình, dự án tài chính vi mô, trụ sở hoạt động, nội dung hoạt động, địa bàn hoạt động, thời hạn hoạt động, đối tượng khách hàng tài chính vi mô của chương trình, dự án tài chính vi mô tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày hoạt động.	đổi tại quy định về thẩm quyền quyết định chấp thuận tại dự thảo Nghị định
	Điều 10. Cơ cấu tổ chức của chương trình, dự án tài chính vi mô	Điều 12. Cơ cấu tổ chức chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ	
		1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô phải có bộ phận quản lý tại địa bàn tỉnh, thành phố, quận, huyện nơi triển khai thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý phải được quy định bằng văn bản.	Bổ sung quy định yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM phải có bộ phận quản lý chương trình, dự án riêng biệt tại từng địa bàn nơi thực hiện để đảm bảo tính chuyên nghiệp trong hoạt động.
	1. Chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có cơ cấu tổ chức như sau: a) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô từ 3 tỷ đồng trở lên, chương trình, dự án tài chính vi mô tối thiểu có: (i) Ban quản lý có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn; có trách	2. Chương trình, dự án tài chính vi mô có vốn thực hiện từ 03 tỷ đồng trở lên phải có bộ phận quản lý với cơ cấu tổ chức như sau: a) Ban quản lý của chương trình, dự án tài chính vi mô. Ban quản lý có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trưởng Ban quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn; có trách nhiệm phân	Chỉnh sửa về kỹ thuật

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	nhiệm phân công cho các thành viên trong Ban quản lý trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô; (ii) Bộ phận quản lý rủi ro có chức năng quản lý rủi ro hoạt động tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; (iii) Bộ phận cho vay có chức năng thực hiện hoạt động cho vay gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; (iv) Bộ phận kế toán tài chính, trong đó phải có thủ quỹ và được trang bị tủ, két sắt hoặc phương tiện quản lý tiền, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn an toàn; (v) Bộ phận kiểm soát có chức năng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên chuyên trách. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; Trưởng bộ phận kiểm soát là chuyên trách và không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.	công cho các thành viên trong Ban quản lý trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô; b) Bộ phận quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô. Bộ phận quản lý rủi ro có chức năng quản lý rủi ro hoạt động tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; c) Bộ phận cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô. Bộ phận cho vay có chức năng thực hiện hoạt động cho vay gồm: Trưởng bộ phận cho vay hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; d) Bộ phận kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô. Bộ phận kế toán tài chính phải có thủ quỹ và được trang bị tủ, két sắt hoặc phương tiện quản lý tiền, giấy tờ, chứng từ, hóa đơn an toàn; đ) Bộ phận kiểm soát của chương trình, dự án tài chính vi mô. Bộ phận kiểm soát có chức năng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô gồm: Trưởng bộ phận kiểm soát hoặc chức danh tương đương và ít nhất 01 nhân viên chuyên trách. Số lượng nhân viên phù hợp với số lượng khách hàng tài chính vi mô, quy mô hoạt động tài chính vi mô; Trưởng bộ phận kiểm soát là chuyên trách và không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.	
	b) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô dưới 3 tỷ đồng, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có: (i) Giám đốc hoặc chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn;	3. Chương trình, dự án tài chính vi mô có vốn thực hiện dưới 03 tỷ đồng phải có bộ phận quản lý với cơ cấu tổ chức như sau: a) Giám đốc của chương trình, dự án tài chính vi mô hoặc	Chỉnh sửa về kỹ thuật

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	(ii) Bộ phận quản lý, điều hành gồm tối thiểu phải có 01 nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, 01 nhân viên phụ trách về cho vay, 01 nhân viên phụ trách về kế toán tài chính và 01 kiểm soát viên chuyên trách. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.	chức danh tương đương chịu trách nhiệm về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn; b) Bộ phận quản lý, điều hành của chương trình, dự án tài chính vi mô gồm tối thiểu phải có 01 nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, 01 nhân viên phụ trách về cho vay, 01 nhân viên phụ trách về kế toán tài chính và 01 kiểm soát viên chuyên trách. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác.	
	2. Chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên phải có cơ cấu tổ chức như sau: a) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô từ 3 tỷ đồng trở lên, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có: (i) Ban quản lý theo quy định tại điểm a (i) khoản 1 Điều này, bộ phận quản lý rủi ro theo quy định tại điểm a (ii) khoản 1 Điều này, bộ phận kiểm soát theo quy định tại điểm a (v) khoản 1 Điều này chung cho các địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; (ii) Bộ phận cho vay theo quy định tại điểm a (iii) khoản 1 Điều này, bộ phận kế toán tài chính theo quy định tại điểm a (iv) khoản 1 Điều này tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; b) Trường hợp có vốn thực hiện tài chính vi mô dưới 3 tỷ đồng, chương trình, dự án tài chính vi mô phải có: (i) Giám đốc hoặc chức danh tương đương theo quy định tại điểm b (i) khoản 1 Điều này, tối thiểu 01 nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, tối thiểu 01 kiểm soát viên chuyên trách chung cho các địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Kiểm soát viên chuyên trách không đảm nhiệm bất kỳ vị trí công tác nào khác; (ii) Tối thiểu 01 nhân viên phụ trách về cho vay, 01 nhân viên phụ trách về kế toán tài chính tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Không quy định	Phù hợp với định hướng về yêu cầu tổ chức thực hiện chương trình, dự án TCVM phải có bộ phận quản lý tại từng địa bàn thực hiện
	3. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý, Giám đốc, các bộ phận, nhân viên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ quy định bằng văn bản.	Không quy định	Nội dung đã được quy định ở khoản 1 Điều này tại dự thảo Nghị định

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	4. Giám đốc, Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, Trưởng bộ phận, nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, cho vay, kế toán tài chính, kiểm soát viên chuyên trách quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô.	4. Giám đốc, Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, Trưởng bộ phận, nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, cho vay, kế toán tài chính, kiểm soát viên chuyên trách quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải có tối thiểu bằng đại học chuyên ngành về một trong những lĩnh vực kinh tế, ngân hàng, tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh hoặc có ít nhất 01 năm kinh nghiệm về hoạt động ngân hàng hoặc hoạt động tài chính vi mô.	Kế thừa nội dung tại Quyết định số 20
	Điều 11. Quy định nội bộ 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước; Giám đốc, Trưởng Ban quản lý dự án của tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải ban hành các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Định kỳ hàng năm, các văn bản nội bộ được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo quản lý hiệu quả chương trình, dự án tài chính vi mô.	Điều 13. Quy định nội bộ 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước; Giám đốc, Trưởng Ban quản lý chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải ban hành các quy định nội bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Định kỳ hằng năm, các văn bản quy định nội bộ phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo quản lý hiệu quả chương trình, dự án tài chính vi mô.	Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp với thay đổi đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định
	2. Các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm: a) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Ban quản lý, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, của từng thành viên Ban quản lý; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô; b) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận quản lý rủi ro, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý rủi ro đối với hoạt động tài chính vi mô. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro trong việc quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô; c) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận cho vay, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp,	2. Các quy định nội bộ của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm: a) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Ban quản lý, trong đó nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban quản lý hoặc chức danh tương đương, của từng thành viên Ban quản lý; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý, điều hành chương trình, dự án tài chính vi mô; b) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận quản lý rủi ro, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong việc quản lý rủi ro đối với hoạt động tài chính vi mô. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro, phải quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về quản lý rủi ro trong việc quản lý rủi ro của chương trình, dự án tài chính vi mô; c) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận cho vay, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc	Chỉnh sửa kỹ thuật

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	ủy quyền trong việc thẩm định, xét duyệt cho vay, đảm bảo tiền vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, phân loại nợ và thu hồi nợ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến cho vay, thu nợ. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về cho vay, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô; d) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kế toán tài chính, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong công tác kế toán tài chính, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến kế toán tài chính. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về kế toán tài chính, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô; đ) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kiểm soát, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền cho từng thành viên trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp chỉ có kiểm soát viên chuyên trách, chương trình, dự án tài chính vi mô quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm soát viên chuyên trách trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; e) Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay; quy định nội bộ về tiết kiệm bắt buộc; quy định nội bộ về khách hàng tài chính vi mô và các quy định nội bộ khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, kiểm soát, giám sát, phân cấp, ủy quyền đối với hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.	phân cấp, ủy quyền trong việc thẩm định, xét duyệt cho vay, đảm bảo tiền vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, phân loại nợ và thu hồi nợ, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến cho vay, thu nợ. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về cho vay, phải quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô; d) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kế toán tài chính, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền trong công tác kế toán tài chính, lưu trữ, bảo quản hồ sơ, chứng từ, tài liệu, hóa đơn liên quan đến kế toán tài chính. Trường hợp chỉ có nhân viên phụ trách về kế toán tài chính, phải quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của nhân viên phụ trách về kế toán tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô; đ) Quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của bộ phận kiểm soát, trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bộ phận hoặc chức danh tương đương, các thành viên và việc phân cấp, ủy quyền cho từng thành viên trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. Trường hợp chỉ có kiểm soát viên chuyên trách, phải quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của kiểm soát viên chuyên trách trong việc kiểm soát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; e) Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay; quy định nội bộ về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc; quy định nội bộ về khách hàng tài chính vi mô và các quy định nội bộ khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, kiểm soát, giám sát, phân cấp, ủy quyền đối với hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.	
	3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ký ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị	3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ký ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ, tổ chức chính trị - xã hội,	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay đổi tại quy định về cơ quan đầu mối

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	- xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi các quy định nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.	tổ chức phi chính phủ gửi các quy định nội bộ được ban hành, sửa đổi, bổ sung cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi triển khai hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.	thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM tại dự thảo Nghị định
	Điều 12. Địa bàn, thời hạn hoạt động 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn hoạt động của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và quyết định thời hạn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Địa bàn hoạt động và thời hạn hoạt động được đăng ký và quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chương trình, dự án tài chính vi mô.	Điều 14. Địa bàn, thời hạn hoạt động 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ. 2. Thời hạn, địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô phải được xác định cụ thể tại quyết định chấp thuận của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. 3. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có thể thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	- Quy định về thời hạn hoạt động căn cứ theo thực tế thời gian triển khai thực hiện, làm cơ sở cho các tổ chức thực hiện. - Chính sửa lại cho rõ ràng hơn, phù hợp với thay đổi tại quy định về cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM tại dự thảo Nghị định
	Điều 13. Nội dung hoạt động 1. Hoạt động huy động vốn của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện dưới các hình thức sau đây: a) Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;	Điều 15. Nội dung hoạt động 1. Tiếp nhận vốn tài trợ, viện trợ không hoàn lại, có hoàn lại của chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các văn bản liên quan.	Quy định lại chi tiết hơn để các đối tượng có liên quan dễ tham chiếu thực hiện.
		2. Vay tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.	Chính sửa tham chiếu
	b) Nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô. Tổng mức tiền gửi tiết kiệm tự nguyện không vượt quá 30% tổng vốn được cấp của chương trình, dự án tài chính vi mô;	3. Nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô là các khách hàng đang có khoản vay.	Chính sửa, bổ sung để phản ánh đúng bản chất tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và tiết kiệm tự nguyện của chương trình, dự án TCVM.
	c) Vay tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.	Chuyển thành khoản 2	
	2. Hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện như sau: a) Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô theo nguyên tắc:	4. Hoạt động cho vay của chương trình, dự án tài chính vi mô được thực hiện như sau: a) Cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô theo nguyên	Giữ nguyên nội dung, chỉnh sửa kỹ thuật tham chiếu điều

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	(i) Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình; (ii) Theo thỏa thuận giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật. Nội dung thỏa thuận về cho vay giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có nội dung về quyền, trách nhiệm bên cho vay và bên vay; mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn cho vay; mức cho vay; thời hạn hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay; lãi suất cho vay và hình thức bảo đảm tiền vay; (iii) Lãi suất cho vay phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án tài chính vi mô, kế hoạch tài chính vi mô, bù đắp đủ chi phí hoạt động, tăng trưởng và không vì mục tiêu lợi nhuận; b) Điều kiện cho vay: (i) Khách hàng tài chính vi mô phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự; (ii) Việc cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và/hoặc bảo lãnh của nhóm khách hàng tài chính vi mô; (iii) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp. c) Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng tài chính vi mô không vượt quá 50 triệu đồng Việt Nam.	tắc: (i) Tự chủ trong hoạt động cho vay và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình; (ii) Theo thỏa thuận giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô, bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật. Nội dung thỏa thuận về cho vay giữa chương trình, dự án tài chính vi mô và khách hàng tài chính vi mô phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có nội dung về quyền, trách nhiệm bên cho vay và bên vay; mục đích sử dụng vốn vay; thời hạn cho vay; mức cho vay; thời hạn hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay; lãi suất cho vay và hình thức bảo đảm tiền vay; (iii) Lãi suất cho vay phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án tài chính vi mô, kế hoạch tài chính vi mô, bù đắp đủ chi phí hoạt động, tăng trưởng và không vì mục tiêu lợi nhuận; b) Điều kiện cho vay: (i) Khách hàng tài chính vi mô phải có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự; (ii) Việc cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm bắt buộc và/hoặc bảo lãnh của nhóm khách hàng tài chính vi mô; (iii) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp; c) Mức cho vay tối đa đối với một khách hàng tài chính vi mô không vượt quá 50 triệu đồng Việt Nam.	
	3. Hoạt động khác của chương trình, dự án tài chính vi mô bao gồm: a) Nhận ủy thác cho vay của tổ chức, cá nhân, chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ để cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô, không vì mục tiêu lợi nhuận; b) Mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại; c) Đại lý cung cấp các sản phẩm bảo hiểm đối với khách hàng tài chính vi mô theo quy định của pháp luật; d) Tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng tài chính vi mô	5. Các hoạt động khác được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	Chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp với định hướng hoạt động của chương trình, dự án TCVM.

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	các kiến thức liên quan đến sử dụng vốn vay, sản xuất, kinh doanh, đời sống, xã hội, môi trường và các kiến thức khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đời sống vật chất, tinh thần của khách hàng tài chính vi mô.		
	Điều 14. Chế độ tài chính, hạch toán, kế toán và báo cáo 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chế độ tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan của pháp luật. 2. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được hạch toán kế toán độc lập với các hoạt động khác của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Điều 16. Chế độ tài chính, hạch toán, kế toán và báo cáo 1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chế độ tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan của pháp luật. 2. Hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô được hạch toán kế toán độc lập với các hoạt động khác của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ.	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị định
	3. Định kỳ 06 tháng trước thời hạn 31 tháng 01 và 31 tháng 7, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi báo cáo tình hình hoạt động theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này như sau: a) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng); Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoặc Bộ Nội vụ đối với tổ chức phi chính phủ trong nước; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; b) Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.	3. Trước ngày 31 tháng 01 và 31 tháng 7 hằng năm, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi báo cáo tình hình hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi địa bàn hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô.	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay đổi tại quy định về cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM tại dự thảo Nghị định
	Điều 15. Trường hợp chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô 1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô trong một trong các trường hợp sau: a) Tự nguyện chuyển đổi; b) Có tổng tài sản từ 75 tỷ đồng trở lên;	Không quy định	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định theo quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	c) Có tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng tài chính vi mô từ 50 tỷ đồng trở lên. 2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.		
	Điều 16. Thời hạn thực hiện chuyển đổi 1. Thời hạn thực hiện chuyển đổi đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc trường hợp chuyển đổi quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này như sau: a) Chương trình, dự án tài chính vi mô phải chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô trong thời hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; b) Chương trình, dự án tài chính vi mô phải chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô trong thời hạn tối đa 24 tháng, kể từ thời điểm báo cáo gần nhất về tình hình hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định này đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc trường hợp chuyển đổi sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. 2. Trong thời gian tối đa 12 tháng sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước không thực hiện việc chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô phải chấm dứt hoạt động hoặc giảm quy mô hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô đảm bảo không thuộc trường hợp chuyển đổi quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 15 Quyết định này. 3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước có trách nhiệm đảm bảo các chương trình, dự án tài chính vi mô thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật liên quan.	Không quy định	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định theo quy định tại khoản 13 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng
	Chuyển từ Điều 21 lên	Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, kiểm tra,	Kế thừa nội dung tại Quyết định số 20

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		giám sát hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô; đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô tuân thủ theo quy định tại Nghị định này. 2. Không được chia lợi nhuận hoặc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào. 3. Chỉ đạo, giám sát chương trình, dự án tài chính vi mô công bố công khai các thông tin về lãi suất, quy định về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, sản phẩm cho vay, các thông tin về khách hàng và các thông tin khác trong hoạt động tài chính vi mô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	
	Chuyển từ Điều 19 lên	Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền nơi có chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Chấp thuận hoạt động, chấm dứt hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô; chấp thuận thay đổi nội dung hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn. 2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn. 3. Hướng dẫn, quản lý hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trên địa bàn.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thay đổi tại quy định về cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM tại dự thảo Nghị định
	Chuyển từ Điều 19 lên	Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư 1. Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ có trách nhiệm cấp Giấy đăng ký, văn bản thành lập hoạt động của tổ chức phi chính phủ trong nước, tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định pháp luật. 2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc chấp thuận hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cho phép thành lập, hoạt động. 3. Phối hợp khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành	Chỉnh sửa lại cho phù hợp với thay đổi tại quy định về cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước đối với chương trình, dự án TCVM tại dự thảo Nghị định

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
		phổ trực thuộc trung ương trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cho phép thành lập, hoạt động. 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra đối với việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô..	
	Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1. Thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô nhằm bảo đảm các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động an toàn, tuân thủ đúng quy định như sau: a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thành phố Hà Nội và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Định kỳ hàng năm, trước thời hạn 15 tháng 02, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình đăng ký, hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định này. 2. Quy định quản lý ngoại hối đối với nguồn vốn ngoại tệ của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định của pháp luật.	Điều 20. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1. Đầu mối, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các bộ, ngành liên quan trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định tại Nghị định này nếu cần thiết. 2. Thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Điều 5 Nghị định này. 3. Nhận báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này. 4. Phối hợp khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô.	Theo nội dung giải trình đối với Điều 4 tại Bảng thuyết minh và nội dung quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc cấp quận, huyện (theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) là quan đầu mối thực hiện việc chấp thuận, chấm dứt hoạt động chương trình, dự án TCVM; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động của chương trình, dự án TCVM. NHNN cấp Giấy đăng ký, hoạt động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động của các chương trình, dự án tài chính vi mô khi có đề nghị.
	Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Tài chính 1. Thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo tài chính đối với	Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Tài chính 1. Thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án tài chính vi mô thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, hạch toán, báo cáo tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại	Kế thừa nội dung tại Quyết định số 20, chỉnh sửa tham chiếu

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định này. 2. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng các chính sách thuế, chính sách hỗ trợ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô.	Điều 16 Nghị định này. 2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng các chính sách thuế, chính sách hỗ trợ tài chính đối với chương trình, dự án tài chính vi mô.	
	Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố 1. Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức phi chính phủ do Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ cấp phép trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay ưu đãi trong quá trình thực hiện chương trình, dự án tài chính vi mô. 3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với chương trình, dự án tài chính vi mô trên địa bàn.	Chuyển lên Điều 18 dự thảo Nghị định	
	Điều 20. Trách nhiệm của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ có chương trình, dự án tài chính vi mô 1. Chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ tài chính của chương trình, dự án tài chính vi mô; đảm bảo chương trình, dự án tài chính vi mô tuân thủ theo quy định tại Quyết định này. 2. Không được chia lợi nhuận hoặc sử dụng lợi nhuận từ hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô cho các hoạt động không phải là hoạt động tài chính vi mô dưới bất kỳ hình thức nào. 3. Chỉ đạo, giám sát chương trình, dự án tài chính vi mô công bố	Chuyển lên Điều 17 dự thảo Nghị định	

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	công khai các thông tin về lãi suất, quy định về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, sản phẩm cho vay, các thông tin về khách hàng và các thông tin khác trong hoạt động tài chính vi mô theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.		
	Điều 21. Quy định chuyển tiếp 1. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô đã hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trong thời hạn 150 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này các văn bản sau đây: a) Đơn đăng ký chương trình, dự án tài chính vi mô theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này; b) Báo cáo tình hình hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. 3. Thỏa thuận cho vay bằng văn bản của các chương trình, dự án tài chính vi mô của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ trong nước, tổ chức phi chính phủ nước ngoài đối với khách hàng tài chính vi mô được ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến khi hết thời hạn của hợp đồng cho vay. Việc sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cho vay chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định tại Quyết định này. 4. Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu	Điều 22. Quy định chuyển tiếp 1. Đối với chương trình, dự án tài chính vi mô đã thành lập và hoạt động được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không phải đề nghị cấp lại Giấy phép chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của Nghị định này. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phải thực hiện theo quy định của Nghị định này. 2. Hợp đồng, thỏa thuận nhận tiền gửi tiết kiệm (bao gồm cả tiết kiệm tự nguyện và tiết kiệm bắt buộc) được ký kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, thỏa thuận. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Nghị định này.	Chuyển tiếp để tạo cơ sở cho tổ chức thực hiện do dự thảo Nghị định có thay đổi quy định liên quan đến chấp thuận hoạt động, cấp Giấy đăng ký hoạt động, nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện, tiền gửi tiết kiệm bắt buộc.

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô chưa có Giám đốc, Ban quản lý, các bộ phận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quyết định này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải xây dựng phương án xử lý, tự tổ chức triển khai thực hiện phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau: a) Thực trạng về người quản lý, điều hành và các bộ phận; b) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa không quá 18 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành phải có đủ Giám đốc, Ban quản lý và các bộ phận theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Quyết định này. 5. Trong thời hạn 360 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô có người quản lý, điều hành không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này phải xây dựng phương án xử lý, tự tổ chức triển khai thực hiện phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau: a) Thực trạng về việc người quản lý, điều hành không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này; b) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa 18 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành có đủ người quản lý, điều hành đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Quyết định này. 6. Trong thời hạn 360 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, chương trình, dự án tài chính vi mô chưa có các		

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	quy định nội bộ hoặc đã có các quy định nội bộ nhưng chưa đáp ứng các quy định tại Điều 11 Quyết định này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ phải ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ và gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Quyết định này. 7. Chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ được thành lập và hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành có nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô hoặc nhận tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô vượt quá tỷ lệ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quyết định này được xử lý như sau: a) Không được nhận thêm tiền gửi tiết kiệm tự nguyện; b) Trong thời hạn 180 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, phải xây dựng, triển khai phương án xử lý và gửi phương án xử lý cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định này; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với chương trình, dự án tài chính vi mô quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này. Phương án xử lý tối thiểu phải có các nội dung sau: (i) Tổng số khách hàng tài chính vi mô; tổng số khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô có tiền gửi tiết kiệm tự nguyện; (ii) Thời hạn gửi còn lại của khoản tiền gửi tiết kiệm tự nguyện ngắn nhất, dài nhất; (iii) Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô; tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tự nguyện của khách hàng không phải khách hàng tài chính vi mô; (iv) Kế hoạch, biện pháp xử lý để đảm bảo trong thời hạn tối đa không quá thời hạn gửi còn lại của khoản tiền gửi tiết kiệm tự nguyện có thời hạn dài nhất đảm bảo tỷ lệ theo quy định.		
	Điều 22. Hiệu lực thi hành Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm	Điều 23. Điều khoản thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm	

STT	Quy định hiện hành tại Quyết định số 20	Quy định tại dự thảo Nghị định	Lý do
	2017.	2024. 2. Quyết định số 20/2017/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động của chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức phi chính phủ hết hiệu lực thi hành.	
	Điều 23. Tổ chức thực hiện Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Điều 24. Tổ chức thực hiện Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	